TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 851/2026/DS-PT
Ngày: 25/09/2026
V/v "tranh chấp thừa kế tài sản; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

Ông Đặng Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông La Thành Tân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Phiên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 09 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2026/TLPT-DS ngày 02 tháng 02 năm 2026 về "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 222/2025/DS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 426/2026/QĐ-PT ngày 01 tháng 04 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1964;

Địa chỉ: ấp H, xã A, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Tấn S1, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Anh T1 là Luật sư Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư tỉnh V.

- *Bị đơn*:

1. Bà Nguyễn Thị Mười H, sinh năm 1973; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã L, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã L, tỉnh Vĩnh Long).

2. Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1973; (có mặt)

Địa chỉ: ấp H xã A, tỉnh Vĩnh Long.

3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã A, tỉnh Vĩnh Long.

4. Anh Võ Hoàng V, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã A, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Trí H1, sinh năm 1990; (có mặt)

2. Anh Nguyễn Trí T2, sinh năm 1993; (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp H xã A, tỉnh Vĩnh Long.

3. Bà Nguyễn Thị K; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H xã A, tỉnh Vĩnh Long.

4. Bà Nguyễn Thị C; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã A, tỉnh Vĩnh Long)

5. Bà Nguyễn Thị Khuê N (Nguyễn Thị B). (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã A huyện L, tỉnh Vĩnh Long. (nay là xã A, tỉnh Vĩnh Long)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện các nguyên đơn bà Nguyễn Thị S và bà Nguyễn Thị T (nguyên đơn), lời trình bày của người đại diện của các nguyên đơn ông Huỳnh Tấn S1 trong quá trình giải quyết vụ án của như sau:

Cha là ông Phạm Văn H2 và mẹ là bà Nguyễn Thị T3 đã chết. Hàng thừa kế thứ nhất gồm có: Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị S (Nguyễn Thị Khuê E), Nguyễn Thị Khuê N (Nguyễn Thị B), Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Mười H (Phạm Thị Ú), Nguyễn Văn M Một (chết) có vợ là Nguyễn Thị Kim P và hai con là Nguyễn Trí H1, Nguyễn Trí T2.

Cha mẹ chết không để lại di chúc, di sản gồm có:

- Thửa đất số 715, tờ bản đồ số 2 diện tích 3.136m^2 loại đất thổ quả tọa lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp H, xã A, tỉnh Vĩnh Long). Thửa đất này đã được em dâu tôi là Nguyễn Thị Kim P làm thủ tục thừa kế đứng tên mà các anh chị em chúng tôi không ai hay biết cũng như đồng ý. Ngày 24/6/2003 Nguyễn Thị Kim P chuyển nhượng thửa đất trên cho Võ Hoàng V và đổi thành thửa 939, tờ bản đồ số 3.

- Thửa đất số 716, tờ bản đồ số 2 diện tích 1.085m^2 loại đất cây ăn quả tọa lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Ngày 14/11/2002, Nguyễn Thị Mười H chuyển nhượng thửa đất trên cho Võ Hoàng V và đổi thành thửa 939, tờ bản đồ số 3.

Sau khi nhận chuyển nhượng ông Võ Hoàng V đã làm thủ tục nhập hai thửa đất 716 và 939 thành thửa 82, tờ bản đồ số 10, diện tích 4.017,9m^2 loại đất ONT + CLN tọa lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long được cấp giấy CNQSDĐ ngày 31/12/2014.

Thửa 82 sau đó được tách thành hai thửa:

- Thửa 281, TBĐ số 10 diện tích 2.177,8m^2 loại đất ON + CLN cấp ngày 19/12/2017 cho hộ Võ Hoàng V;
- Thửa 282, TBĐ số 10 diện tích 1.840,1m^2 loại đất ON + CLN cấp ngày 19/12/2017 cho hộ Võ Hoàng V.

Ngày 28/12/2017 thửa 282 được hộ ông Võ Hoàng V tặng cho bà Nguyễn Thị T (bị đơn). Ngày 22/01/2018 các thành viên trong hộ thống nhất 2.100,1m^2 của thửa 281 trở thành thửa 337 cấp cho cá nhân ông Võ Hoàng V. Ngày 04/10/2023 ông Võ Hoàng V tặng cho bà Nguyễn Thị T (bị đơn) 77,7m^2 thuộc chiết thửa 281, TBĐ số 10.

Bà Nguyễn Thị T (bị đơn) hợp hai thửa 282 và chiết thửa 281 (mới 337) thành thửa 339, TBĐ số 10 diện tí ch 1.917,8m^2 được cấp QSDĐ ngày 03/11/2023.

Ông Huỳnh Tấn S1 là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T (Nguyên đơn) cho rằng thủ tục thừa kế từ ông Phạm Văn H2 sang Nguyễn Thị Kim P không đúng. Theo thủ trích lục hồ sơ thừa kế thì có ghi ông Phạm Văn H2 mất ngày 20/02/1996 nhưng lúc ông H2 mất không có khai tử nên không chứng minh được thời gian chết. Điều này mâu thuẫn với hồ sơ thừa kế. Bà P khai bà T và bà S không có ký tên trong thủ tục thừa kế nên thủ tục thừa kế từ ông H2 sang cho bà P là không đúng pháp luật.

Khi hòa giải ở xã H Nguyễn Thị Mười H khai được cấp QSDĐ năm 1992 nhưng hòa giải tại tòa thì khai là năm 1991. Trong hồ sơ cấp giấy thì năm 1995. Giữa ông Phạm Văn H2 tặng cho Mười Hai hồ sơ ghi ngày tặng cho là ngày 30/6/1995. Hồ sơ thừa kế ghi tên Phạm Thị Ú chứ không phải tên Nguyễn Thị Mười H. Bà Nguyễn Thị Mười H khai có nhận phần 1.085m^2 thừa kế rồi nên Mười H nói không nhận qua phần của bà P.

Các nguyên đơn yêu cầu:

- Hủy thủ tục thừa kế lập ngày 14/11/2002 tại thửa 715, tờ bản đồ số 2 diện tích 3.136m^2 loại đất thổ quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long được Ủy ban nhân dân xã H chứng nhận.

- Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Nguyễn Thị Kim P với ông Võ Hoàng V tại chiết thửa 715, tờ bản đồ số 2 diện tích 3.136m^2 loại đất thổ quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long lập tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 24/6/2003.

- Vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất 282, diện tích 1.840,1m^2 tờ bản đồ số 10 loại đất ONT + CLN loại đất cây ăn quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long giữa hộ ông Võ Hoàng V và bà Nguyễn Thị T.

- Chia thừa kế cho các nguyên đơn được hưởng 896m^2 (chia làm 06 phần) tại thửa 715, tờ bản đồ số 2 diện tích 3.136m^2 loại đất thổ quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nay là thửa 337, tờ bản đồ số 10 diện tích 2.100,1m^2 loại đất ONT + CLN và một phần thửa 282, diện tích 1.840,1m^2 tờ bản đồ số 10 loại đất ONT + CLN. Cả hai thửa đất cùng toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- Buộc ông Võ Hoàng V trả lại cho bà Nguyễn Thị S và bà Nguyễn Thị T (nguyên đơn) phần diện tích 896m^2 (chia làm 06 phần) tại thửa 715, tờ bản đồ số 2 diện tích 3.136m^2 loại đất thổ quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nay là thửa 337, tờ bản đồ số 10 diện tích 2.100,1m^2 loại đất ONT + CLN và một phần thửa 282, diện tích 1.840,1m^2 tờ bản đồ số 10 loại đất ONT + CLN. Cả hai thửa đất cùng toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Nguyễn Thị Mười H (Phạm Thị Ú) với ông Võ Hoàng V tại chiết thửa 716, tờ bản đồ số 2 diện tích 1.085m^2 loại đất thổ quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long lập tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 14/11/2002.

- Vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất 282, diện tích 1.840,1m^2 tờ bản đồ số 10 loại đất ONT + CLN loại đất cây ăn quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long giữa hộ ông Võ Hoàng V và bà Nguyễn Thị T (bị đơn).

- Chia thừa kế cho các nguyên đơn được hưởng 310 m^2 (chia làm 07 phần) tại thửa 716, tờ bản đồ số 2 diện tích 1.085m^2 loại đất quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long tọa lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- Buộc ông Võ Hoàng V trả lại cho bà Nguyễn Thị S và bà Nguyễn Thị T (nguyên đơn) phần diện tích 310m^2 (chia làm 07 phần) tại thửa 716, tờ bản đồ số 2 diện tích 1.085m^2 loại đất quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm: có mặt nguyên đơn vắng mặt những người còn lại

Các nguyên đơn trình bày: vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu khởi kiện

- Hủy thủ tục thừa kế lập ngày 14/11/2002 tại thửa 715, tờ bản đồ số 2 diện tích 3.136m^2 loại đất thổ quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long được Ủy ban nhân dân xã H chứng nhận.

- Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Nguyễn Thị Kim P với ông Võ Hoàng V tại chiết thửa 715, tờ bản đồ số 2 diện tích 3.136m^2 loại đất thổ quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long lập tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 24/6/2003.

- Vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất 282, diện tích 1.840,1m^2 tờ bản đồ số 10 loại đất ONT + CLN loại đất cây ăn quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long giữa hộ ông Võ Hoàng V và bà Nguyễn Thị T.

- Chia thừa kế cho chúng tôi được hưởng 896m^2 (chia làm 06 phần) tại thửa 715, tờ bản đồ số 2 diện tích 3.136m^2 loại đất thổ quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nay là thửa 337, tờ bản đồ số 10 diện tích 2.100,1m^2 loại đất ONT + CLN và một phần thửa 282, diện tích 1.840,1m^2 tờ bản đồ số 10 loại đất ONT + CLN. Cả hai thửa đất cùng toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- Buộc ông Võ Hoàng V trả lại cho bà Nguyễn Thị S và bà Nguyễn Thị T (nguyên đơn) phần diện tích 896m^2 (chia làm 06 phần) tại thửa 715, tờ bản đồ số 2 diện tích 3.136m^2 loại đất thổ quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nay là thửa 337, tờ bản đồ số 10 diện tích 2.100,1m^2 loại đất ONT + CLN và một phần thửa 282, diện tích 1.840,1m^2 tờ bản đồ số 10 loại đất ONT + CLN. Cả hai thửa đất cùng toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

* Nguyên đơn rút lại yêu cầu:

- Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Nguyễn Thị Mười H (Phạm Thị Ú) với ông Võ Hoàng V tại chiết thửa 716, tờ bản đồ số 2 diện tích 1.085m^2 loại đất thổ quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long lập tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 14/11/2002.

- Vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất 282, diện tích 1.840,1m^2 tờ bản đồ số 10 loại đất ONT + CLN loại đất cây ăn quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long giữa hộ ông Võ Hoàng V và bà Nguyễn Thị T.

- Chia thừa kế cho bà S và bà T được hưởng 310 m^2 (chia làm 07 phần) tại thửa 716, tờ bản đồ số 2 diện tích 1.085m^2 loại đất quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long tọa lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- Buộc ông Võ Hoàng V trả lại cho bà Nguyễn Thị S và bà Nguyễn Thị T (nguyên đơn) phần diện tích 310m^2 (chia làm 07 phần) tại thửa 716, tờ bản đồ số 2 diện tích 1.085m^2 loại đất quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Trong quá trình giải quyết bị đơn bà Nguyễn Thị T (bị đơn) và anh Võ Hoàng V trình bày: Khoảng năm 2002 bà Nguyễn Thị K trực tiếp đến gặp bà Nguyễn Thị T để kêu bán phần đất gồm hai thửa đất có tổng diện tích 4.017,9m^2

để trả nợ ngân hàng. Giá thỏa thuận bằng vàng nhưng giờ không nhớ bao nhiêu, giao vàng trực tiếp cho bà P và bà Mười H nhận. Ngay sau đó là đi làm thủ tục và được cấp QSDĐ mang tên Võ Hoàng V. Anh V sử dụng tới năm 2023 thì tặng cho lại mẹ ruột anh là bà Nguyễn Thị T một phần 1.917,8m^2, phần còn lại anh V vẫn sử dụng tới nay không có tranh chấp với ai, từ lúc mua đất tới nay luôn đóng thuế đầy đủ. Phần tặng cho thì bà T đứng tên. Giao dịch mua bán đất là bà Nguyễn Thị T (bị đơn) trực tiếp ký hợp đồng chuyển nhượng với bà Nguyễn Thị Kim P và bà Nguyễn Thị Mười H tổng diện tích 4.017,9m^2 đất. Anh V không nhớ lúc bán đất cho anh ai là người đứng tên quyền sử dụng đất. Thủ tục mua bán đất anh V và bà T là mua đất hợp pháp đúng pháp luật không phải mua bán lén như ông S1 nói. Bây giờ nếu bên phía nguyên đơn có nhu cầu gìn giữ đất của ông bà thì bà T đồng ý sang nhượng lại phần đất nói trên với diện tích khoảng 6000m^2 theo giá thị trường. Bà T đã bỏ công sức tôn tạo đất từ lúc mua tới bây giờ nên phải tính giá thị trường. Ngoài ra không có ý kiến khác và không có yêu cầu phản tố.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P trình bày: Bà P làm thủ tục nhận thừa kế tại Ủy ban nhân dân xã H, có bà Nguyễn Thị S ký tên (Nguyễn Thị Khuê E), có kêu bà T ký tên nhưng bà T (nguyên đơn) không ra ủy ban. Còn những người anh em còn lại chỉ ký tên, chữ viết họ tên là người khác ghi. Tới khi họp mặt ở nhà thì bà T nói là thiếu nợ thì bán đất trả nợ chứ bà T không ký.

Ngày xưa má chồng là bà T3 bán cho bà Nguyễn Thị K (Khuê chị) 2 liếp, sau bà K bán lại cho bà Nguyễn Thị B (Khuê nhỏ). Sau khi bà P làm thủ tục thừa kế xong, bà P mới bán hết đất cho bà T và anh V giá 03 cây vàng 24k mà không nhớ rõ là 03 cây/công hay là 03 cây hết đất. Tiền bán đất dùng để trả nợ 10 triệu xong và bà P đi nơi khác mua đất mẹ con sinh sống tới giờ chứ không có lấy tiền của ai hết. Bà P đã sang đất cho bà T và anh V rồi nên không có ý kiến gì về giá đất và giá cây trồng trong biên bản định giá. Bà P không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn. Ngoài ra không có ý kiến khác và không có yêu cầu phản tố.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trí T2, anh Nguyễn Trí H1 trình bày: Anh T2, anh H1 là con ruột của bà P và ông M1, thống nhất lời trình bày của bà Nguyễn Thị Kim P, không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn và không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Anh T2 và anh H1 xin vắng mặt các lần triệu tập của tòa án vì đi làm xa. Ngoài ra không có ý kiến khác và không có yêu cầu độc lập.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị Khuê N và bà Nguyễn Thị C không có bản khai gửi Tòa án cũng như không tham dự phiên hòa giải.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Vĩnh Long đưa vụ

án ra xét xử, tại phần quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số: 222/2025/DS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2025 đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S và bà Nguyễn Thị T:

- Hủy thủ tục thừa kế lập ngày 14/11/2002 tại thửa 715, tờ bản đồ số 2 diện tích 3.136m^2 loại đất thổ quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long được Ủy ban nhân dân xã H chứng nhận.

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim P phải có trách nhiệm trả bà Nguyễn Thị S giá trị phần thừa kế là 48.852.000đ (Bốn mươi tám triệu, tám trăm năm mươi hai ngàn đồng).

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim P phải có trách nhiệm trả bà Nguyễn Thị T (nguyên đơn) giá trị phần thừa kế là 48.852.000đ (Bốn mươi tám triệu, tám trăm năm mươi hai ngàn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S và bà Nguyễn Thị T:

- Buộc ông Võ Hoàng V trả lại cho bà Nguyễn Thị S và bà Nguyễn Thị T (nguyên đơn) phần diện tích 896m^2 (chia làm 06 phần) tại thửa 715, tờ bản đồ số 2 diện tích 3.136m^2 loại đất thổ quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nay là thửa 337, tờ bản đồ số 10 diện tích 2.100,1m^2 loại đất ONT + CLN và một phần thửa 282, diện tích 1.840,1m^2 tờ bản đồ số 10 loại đất ONT + CLN.

- Chia thừa kế cho nguyên đơn được hưởng 896m^2 (chia làm 06 phần) tại thửa 715, tờ bản đồ số 2 diện tích 3.136m^2 loại đất thổ quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nay là thửa 337, tờ bản đồ số 10 diện tích 2.100,1m^2 loại đất ONT + CLN và một phần thửa 282, diện tích 1.840,1m^2 tờ bản đồ số 10 loại đất ONT + CLN.

- Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Nguyễn Thị Kim P và ông Võ Hoàng V tại chiết thửa 715, tờ bản đồ số 2 diện tích 3.136m^2 loại đất thổ quả.

- Vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất 282, diện tích 1.840,1m^2 tờ bản đồ số 10 loại đất ONT + CLN loại đất cây ăn quả.

3. Đình chỉ yêu cầu của các nguyên đơn về việc:

- Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Mười H (Phạm Thị Ú) và ông Võ Hoàng V tại chiết thửa 716, tờ bản đồ số 2 diện tích 1.085m^2 loại đất thổ quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long lập tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 14/11/2002.

- Vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất 282, diện tích 1.840,1m^2 tờ bản đồ số 10 loại đất ONT + CLN loại đất cây ăn quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long giữa hộ ông Võ Hoàng V và bà Nguyễn Thị T.

- Chia thừa kế cho bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị S được hưởng 310 m^2 (chia làm 07 phần) tại thửa 716, tờ bản đồ số 2 diện tích 1.085m^2 loại đất quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long tọa lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- Buộc ông Võ Hoàng V trả lại cho bà Nguyễn Thị S và bà Nguyễn Thị T (nguyên đơn) phần diện tích 310m^2 (chia làm 07 phần) tại thửa 716, tờ bản đồ số 2 diện tích 1.085m^2 loại đất quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Ngoài ra, quyết định của bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15 tháng 12 năm 2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S và nguyên đơn bà Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

- Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Võ Hoàng V trả lại phần đất thuộc thửa 282 theo kỷ phần thừa kế của bà là 552,6 m^2 (3.136 m^2) loại đất ONT + CLN.

- Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Nguyễn Thị Kim P với ông Võ Hoàng V tại chiết thửa 715 tờ bản đồ số 2 diện tích 3.136 m^2.

- Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất một phần tại thửa 282 diện tích 1.840,1 m^2 tờ bản đồ số 10 loại đất ONT + CLN.

- Bà S và bà T muốn nhận đất vì phía trong có phần mộ của cha mẹ để tiện chăm sóc mộ của cha mẹ.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì cho rằng cấp sơ thẩm không làm rõ thửa 90 tờ bản đồ số 10, nguyên đơn yêu cầu chia toàn bộ thửa 715 trong đó thửa 90, thuộc một phần thửa 715 cũ nhưng tại cấp sơ thẩm chưa được giải quyết. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P tự nguyện giao toàn bộ diện tích thửa 90 tờ bản đồ số 10 cho nguyên đơn quản lý sử dụng, nguyên đơn đồng ý và để bà P được vào chăm sóc mộ phần, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Cấp sơ thẩm không kiểm đếm cây trồng trên đất, không đo đạc được nhưng bác yêu cầu của nguyên đơn là không khách quan. Tại phiên tòa bà P cho rằng phần đất tranh chấp trước đây do Cụ H2, cụ Tư thế C1 ngân hàng, sau khi cụ H2, cụ T3 chết bà P phải bán đất để trả nợ ngân hàng vấn đề này chưa được làm rõ, nếu có cơ sở thì bà P có quyền yêu cầu hàng thừa kế của Cụ H2, cụ T3 cùng có nghĩa

vụ thực hiện trả nợ ngân hàng. Vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chưa được xem xét giải quyết toàn diện nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 1- Vĩnh Long.

Bị đơn không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hiện tại bị đơn bà P không có khả năng kinh tế để trả cho nguyên đơn số tiền theo bản án sơ thẩm. Phần đất tranh chấp trước đây do Cụ H2, cụ Tư thế C1 ngân hàng, sau khi cụ H2, cụ T3 chết bà P phải bán đất để trả nợ ngân hàng và chăm sóc cụ H2, cụ T3 lúc bệnh tuổi già.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị T. Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 222/2025/DS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long theo hướng có một phần thửa 715 tờ bản đồ số 02 (nay là thửa 90, tờ bản đồ số 10) chưa được cấp sơ thầm xem xét giải quyết chia thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của nguyên đơn; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S và bà Nguyễn Thị T được làm đúng theo quy định, trong thời hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- Đối với các đương sự gồm: Bị đơn bà Nguyễn Thị T, anh Võ Hoàng V, bà Nguyễn Thị Mười H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Khuê N, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về hàng thừa kế: Cụ H2 chết năm 1996 và cụ Nguyễn Thị T3 chết năm 1997 không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất gồm có: Nguyễn Thị K, Nguyễn

Thị S (Nguyễn Thị Khuê E), Nguyễn Thị Khuê N (Nguyễn Thị B), Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Mười H (Phạm Thị Ú), Nguyễn Văn M Một (chết) có vợ là Nguyễn Kim P và hai con là Nguyễn Trí H1, Nguyễn Trí T2. Nên hàng thừa kế thứ nhất của cụ H2, cụ T3 gồm Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị S (Nguyễn Thị Khuê E), Nguyễn Thị Khuê N (Nguyễn Thị B), Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Mười H (Phạm Thị Ú) và thừa kế thế vị của Nguyễn Văn M Một (chết) là Nguyễn Kim P và hai con là Nguyễn Trí H1, Nguyễn Trí T2.

[3] Về di sản thừa kế:

Do cụ H2 và cụ T3 chết không để lại di chúc nên theo quy định tại Điều 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự 2015 nên di sản được chia theo pháp luật.

Tài sản cụ H2 để lại là quyền sử dụng đất tại thửa 715, tờ bản đồ số 2 tọa lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp H, xã A, tỉnh Vĩnh Long) do cụ Phạm Văn H2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần đầu ngày 30/06/1995 (bút lục 46) nên thửa đất này được chia theo pháp luật.

Đối với Thửa 716 theo công văn số 1749/VPĐK-TTLT ngày 21/11/2025 (Bút lục 299) của của Văn phòng đăng ký đất đai xác định thửa 716, tờ bản đồ số 2 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần đầu ngày 30/06/1995 (bút lục 46) do bà Phan Thị Ú1 (Nguyễn Thị Mười H) kê khai, vì cụ H2, cụ T3 không có đứng tên sở hữu đất này nên thửa 716, tờ bản đồ số 2 không phải là di sản thừa kế, các bên không có quyền yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất này. Tại cấp sơ thẩm các nguyên đơn đã rút lại toàn bộ yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho và chia thừa kế đối với Thửa 716, tờ bản đồ số 2 nên không xét đến. Tại cấp phúc thẩm nguyên đơn cho rằng không rút yêu cầu khởi kiện đối với Thửa 716, tờ bản đồ số 2 là không có căn cứ vì tại biên bản phiên tòa trang số 6, số G (Bút lục 325, 326) đại diện ủy quyền nguyên đơn ông Huỳnh Tấn S1 đã rút yêu cầu, có mặt các nguyên đơn xác nhận đồng ý. Cấp sơ thẩm đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị S (Nguyễn Thị Khuê E):

[4.1] Đối với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị S (Nguyễn Thị Khuê E) tại thửa 715, tờ bản đồ số 2:

Ngày 14/11/2002, những người trong hàng thừa kế của cụ Phạm Văn H2, cụ T3 đến Ủy ban nhân dân xã H lập văn bản phân chia di sản thừa kế.

Tại tờ khai thừa kế quyền sử dụng đất ngày 14/11/2002 không có chữ ký của bà Nguyễn Thị T nên thủ tục thừa kế của bà Nguyễn Thị Kim P không hợp pháp vì đã tước phần thừa kế của bà Nguyễn Thị T, bản án sơ thẩm quyết định tuyên hủy thủ tục thừa kế ngày 14/11/2002 là có căn cứ chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị Khuê E (Nguyễn Thị S) có ký tên trong văn bản tờ khai thừa

kế quyền sử dụng đất ngày 14/11/2002, tuy nhiên bà Khuê E (bà S) không thừa nhận chữ ký cũng không chứng minh được chữ ký trong văn bản từ chối nhận di sản thừa kế không phải là của mình (do không giám định được chữ ký, văn phòng đăng ký đất trả lời không lưu bản chính), cấp sơ thẩm buộc bà P chia kỷ phần thừa kế cho bà Khuê E (bà S) nhưng bà P không kháng cáo nên không xem xét.

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ H2, cụ T3 còn lại là bà Nguyễn Thị Mười H, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Khuê N đã ký tên định đoạt cho bà Kim P, nên không có quyền yêu cầu chia thừa kế và không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4.2] Đối với quá trình biến động quyền sử dụng các thửa 715, 716, tờ bản đồn số 10: Phần đất 552,6m^2 (3.136m^2/6) thuộc thửa đất số 282 nguyên đơn yêu cầu trong đơn kháng cáo buộc bà Nguyễn Thị T và ông Võ Hoàng V trả lại thực chất nguồn gốc là thửa 715, tờ bản đồ số 2 tọa lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp H, xã A, tỉnh Vĩnh Long) do cụ Phạm Văn H2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần đầu ngày 30/06/1995 (bút lục 46), bà Nguyễn Thị Kim P được thừa kế theo đó bà Nguyễn Thị Kim P chuyển nhượng cho ông V, sau đó tách thành thửa 939, tờ bản đồ số 3.

Thửa 939 nhập với thửa 716, tờ bản đồ số 2 diện tích 1.085m^2 do chị Nguyễn Thị Mười H chuyển nhượng cho ông V thành thửa 82, tờ bản đồ số 10 diện tích 4.017m^2 loại đất ONT + CLN tọa lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp H, xã A, tỉnh Vĩnh Long).

Thửa số 82 sau đó được tách thành hai thửa: Thửa 281, tờ bản đồ số 10 diện tích 2.177,8m^2 và thửa 282, tờ bản đồ số 10 diện tích 1.840,1m^2 loại đất ONT + CLN cấp ngày 19/12/2017 cho hộ ông Võ Hoàng V.

Thửa 282 sau khi hợp với chiết thửa 281 thành thửa 339, tờ bản đồ số 10 diện tích 1.917,8m^2 được cấp giấy chứng nhận ngày 03/11/2023 hiện do bà Nguyễn Thị T (bị đơn) đứng tên.

[4.3] Đối với hiệu lực của các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Nguyễn Thị Kim P cho ông Võ Hoàng V tại các thửa 715, tờ bản đồ số 2 toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Võ Hoàng V và bà Nguyễn Thị T (bị đơn):

Về hình thức: Hợp đồng được lập thành văn bản, có công chứng phù hợp quy định tại các Điều 119, 500, 501, 502 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Thửa 939, tờ bản đồ số 03 nhập với thửa 716, tờ bản đồ số 02 do ông V nhận chuyển nhượng từ bà Phạm Thị Ú (Nguyễn Thị Mười H) ngày

14/11/2002 thành thửa 82, tờ bản đồ số 10, diện tích 4.017,9m^2 loại đất ONT + CLN tọa lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/12/2014. Thửa 82 sau đó tách thành 02 thửa 281 và 282, ngày 28/12/2017 thửa 282 được ông V lập hợp đồng tặng cho bà Nguyễn Thị T (bị đơn). Ngày 22/01/2018, các thành viên của hộ thống nhất lập thủ tục phần diện tích 2.100,1m^2 của thửa 281 trở thành thửa 337 cấp cho cá nhân ông Võ Hoàng V. Ngày 04/10/2023 ông Võ Hoàng V tặng cho bà Nguyễn Thị T 77,7m^2 thuộc chiết thửa 281, tờ bản đồ số 10. Bà Nguyễn Thị T hợp hai thửa 282 và chiết thửa 281 (mới 338) thành thửa 339, tờ bản đồ số 10 diện tích 1.917,8m^2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/11/2023. Ông V, bà T đã vào quản lý sử dụng đất trong suốt thời gian dài từ năm 2002, 2003 cho đến nay nhưng hàng thừa kế thứ nhất của cụ H2, cụ T3 không ý kiến hay tranh chấp, hiện nay ông V, bà T đã đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trồng cây trái trên đất. Nên ông V, bà T là người thứ ba ngay tình. Xét thấy hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Nguyễn Kim P và ông Võ Hoàng V có hiệu lực nên có căn cứ công nhận hợp đồng chuyển nhượng giữa ông V và bà P, theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Bộ luật Dân sự.

Do công nhận hợp đồng chuyển nhượng giữa ông V và bà P nên việc ông V lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất một phần tại thửa 282, tờ bản đồ số 10 loại đất ONT + CLN giữa ông Võ Hoàng V và bà Nguyễn Thị T (bị đơn) là đúng quy định của pháp luật.

Do ông V, bà T là người thứ ba ngay tình nên chỉ buộc bà P trả giá trị quyền sử dụng đất cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị S. Mỗi phần thừa kế có giá trị như sau: {(đất cây lâu năm 405,143m^2 x 88.000đ/m^2) + (đất ở 42,857m^2 x 308.000đ/m^2)}= 48.852.571 đồng làm tròn 48.852.000 đồng.

Đối với yêu cầu giải quyết lối đi vào mộ phần cụ H2, cụ T3 : Xét thấy, trước đây các hàng thừa kế thứa nhất của cụ H2, cụ T3 biết có mộ phần hai cụ trên đất nhưng vẫn thỏa thuận phân chia thừa kế cho chị Kim P, bà Mười H và không kèm thỏa thuận nào bà Kim P, bà Mười H chuyển nhượng lại cho ông Võ Hoàng V cũng không kèm điều kiện. Tại cấp sơ thẩm nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên căn cứ khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự nguyên đơn được quyền khởi kiện lối đi trong vụ kiện khác.

Đối với thửa đất số 90 tại công văn số 1211/VPĐK-TTLT ngày 26/06/2026 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 2 xác định thửa 90 tờ bản đồ số 10 diện tích 31,2m^2 loại đất trồng câu lâu năm hiện nay vẫn còn do bà Nguyễn Thị Kim P đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa phúc thẩm, Bà P tự nguyện giao quyền sử dụng phần đất thửa 90 tờ bản đồ số 10 cho nguyên đơn quản lý sử dụng, xét thấy đây là sự tự nguyện của các bên nên ghi

nhận, các bên tự thực hiện thủ sang tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hội đồng xét xử không ghi nhận vào nội dung quyết định của bản án.

Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng nguyên đơn yêu cầu chia toàn bộ thửa 715 trong đó thửa 90, thuộc một phần thửa 715 cũ nhưng tại cấp sơ thẩm chưa được giải quyết. Xét thấy thửa 715 có diện tích ban đầu là 3.136m^2 cấp sơ thẩm chia mỗi kỷ phần 3.136m^2/7 = 448m^2 (đất cây lâu năm 405,143m^2 + đất ở 42,857m^2), điều này đồng nghĩa với việc cấp sơ thẩm đã chia hết diện tích thửa 715 trong đó có thửa đất số 90, nên ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không có cơ sở xem xét. Đối với ý kiến của bà P về Phần đất tranh chấp trước đây do Cụ H2, cụ Tư thế C1 ngân hàng, sau khi cụ H2, cụ T3 chết bà P phải bán đất để trả nợ ngân hàng và chăm sóc cho cụ H2, cụ T3 lúc bệnh tuổi già. Xét thấy, các bên không có yêu cầu giải quyết đối với số tiền nợ ngân hàng của Cụ H2, cụ T3 nên không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, xét thấy kháng cáo của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị S và bà Nguyễn Thị T không có căn cứ chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long.

[5] Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Căn cứ Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự:

Tại cấp sơ thẩm chi phí định giá là 3.686.000 đồng Buộc bà Nguyễn Thị T (bị đơn), anh Võ Hoàng V và bà Nguyễn Thị Kim P mỗi người nộp 1.228.666 đồng làm tròn 1.228.000 đồng (Một triệu hai trăm hai mươi tám ngàn đồng) để trả lại cho bà Nguyễn Thị S và bà Nguyễn Thị T (nguyên đơn).

Tại cấp phúc thẩm là 4.086.000 đồng; Do yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Bà T đã nộp tạm ứng án phí 985.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001529 ngày 15/10/2024 và 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002392 ngày 23/06/2025 nên được khấu trừ.

Bà S có đơn miễn án phí do là người cao tuổi nên được miễn.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Nguyễn Thị S và bà Nguyễn Thị T không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S, được miễn án phí dân sự phúc thẩm do người cao tuổi. Nguyên đơn bà T phải chịu 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012066 ngày 15/12/2025 nên được khấu trừ và đã nộp xong.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thi S2.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 222/2025/DS-ST ngày 15/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Vĩnh Long.

Các Điều 26, 35, 39, 127, 144, 147, 150, 157, 227, 228, 244 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 116, 122, 131, 133, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100, 166, 167, 168, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 26, 27, 37, 45, 131, 133, 135, 137, 235 và 236 Luật đất đai năm 2024; Điều 12, 26 và 27 của Nghị quyết số 326/UBNTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S và bà Nguyễn Thị T:

+ Hủy thủ tục thừa kế lập ngày 14/11/2002 tại thửa 715, tờ bản đồ số 2 diện tích 3.136m^2 loại đất thổ quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long được Ủy ban nhân dân xã H chứng nhận.

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim P phải có trách nhiệm trả bà Nguyễn Thị S giá trị phần thừa kế là 48.852.000 đồng (Bốn mươi tám triệu, tám trăm năm mươi hai ngàn đồng).

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim P phải có trách nhiệm trả bà Nguyễn Thị T (nguyên đơn) giá trị phần thừa kế là 48.852.000 đồng (Bốn mươi tám triệu, tám trăm năm mươi hai ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn của những người được thi hành án nếu người bị thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất đối

với số tiền chậm trả theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S và bà Nguyễn Thị T:

+ Buộc ông Võ Hoàng V trả lại cho bà Nguyễn Thị S và bà Nguyễn Thị T (nguyên đơn) phần diện tích 896m^2 (chia làm 06 phần) tại thửa 715, tờ bản đồ số 2 diện tích 3.136m^2 loại đất thổ quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nay là thửa 337, tờ bản đồ số 10 diện tích 2.100,1m^2 loại đất ONT + CLN và một phần thửa 282, diện tích 1.840,1m^2 tờ bản đồ số 10 loại đất ONT + CLN. Cả hai thửa đất cùng toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

+ Chia thừa kế cho nguyên đơn được hưởng 896m^2 (chia làm 06 phần) tại thửa 715, tờ bản đồ số 2 diện tích 3.136m^2 loại đất thổ quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nay là thửa 337, tờ bản đồ số 10 diện tích 2.100,1m^2 loại đất ONT + CLN và một phần thửa 282, diện tích 1.840,1m^2 tờ bản đồ số 10 loại đất ONT + CLN. Cả hai thửa đất cùng toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

+ Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Nguyễn Thị Kim P và ông Võ Hoàng V tại chiết thửa 715, tờ bản đồ số 2 diện tích 3.136m^2 loại đất thổ quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long lập tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 24/6/2003.

+ Vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất 282, diện tích 1.840,1m^2 tờ bản đồ số 10 loại đất ONT + CLN loại đất cây ăn quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long giữa hộ ông Võ Hoàng V và bà Nguyễn Thị T.

3. Đình chỉ yêu cầu của các nguyên đơn về việc:

+ Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Mười H (Phạm Thị Ú) và ông Võ Hoàng V tại chiết thửa 716, tờ bản đồ số 2 diện tích 1.085m^2 loại đất thổ quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long lập tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 14/11/2002.

+ Vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất 282, diện tích 1.840,1m^2 tờ bản đồ số 10 loại đất ONT + CLN loại đất cây ăn quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long giữa hộ ông Võ Hoàng V và bà Nguyễn Thị T.

+ Chia thừa kế cho bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị S được hưởng 310 m^2 (chia làm 07 phần) tại thửa 716, tờ bản đồ số 2 diện tích 1.085m^2 loại đất quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long tọa lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

+ Buộc ông Võ Hoàng V trả lại cho bà Nguyễn Thị S và bà Nguyễn Thị T (nguyên đơn) phần diện tích 310m^2 (chia làm 07 phần) tại thửa 716, tờ bản đồ số 2 diện tích 1.085m^2 loại đất quả toạ lạc ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Buộc bà Nguyễn Thị T (bị đơn), anh Võ Hoàng V và bà Nguyễn Thị Kim P mỗi người nộp 1.228.666 đồng làm tròn 1.228.000 đồng (Một triệu hai trăm hai mươi tám ngàn đồng) để trả lại cho bà Nguyễn Thị S và bà Nguyễn Thị T (nguyên đơn).

Tại cấp phúc thẩm là 4.086.000 đồng; Do yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị S.

Buộc bà Nguyễn Thị T (nguyên đơn) nộp 2.442.600 đồng (Hai triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm đồng). Bà T đã nộp tạm ứng án phí 985.000 đồng (chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền Số 0001529 ngày 15/10/2024 và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền Số 0002392 ngày 23/6/2025 nên được trừ. Số tiền còn phải nộp thêm là 1.156.600 đồng làm tròn 1.156.000 đồng (Một triệu, một trăm năm mươi sáu ngàn đồng).

6. Án phí phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S, được miễn án phí dân sự phúc thẩm do người cao tuổi. Nguyên đơn bà T phải chụi 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012066 ngày 15/12/2025 nên được khấu trừ và đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 1 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 1 - Vĩnh Long;
- Phòng GĐ, KT, TT & THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu Hương